

Số: /GPMT-UBND

Ứng Hòa, ngày tháng 3 năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND huyện Ứng Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 01/ESS.VN ngày 16/1/2025 và Văn bản chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP ngày 24/3/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 75/TTr-NNMT ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc cấp Giấy phép môi trường cho dự án: “Nhà máy sản xuất dược phẩm ESSENPHAP” của Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP tại cụm Công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP, địa chỉ tại CN-02:04 cụm CN Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện

Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm ESSENPAP” tại CN-02:04 Cụm CN Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất dược phẩm ESSENPAP

1.2. Địa điểm hoạt động: CN-02:04 Cụm CN Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0110792171 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 0110792171

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất công nghiệp

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi thực hiện dự án: Trên khu đất có diện tích 1.008,22 m² tại tại Cụm Công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

- Quy mô: Dự án có tổng mức đầu tư là 9.860.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng*) thuộc dự án nhóm C.

- Công suất: 30.000 sản phẩm/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPAP được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPAP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Giao phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Quảng Phú Cầu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&MT;
- UBND xã Quảng Phú Cầu;
- Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện;
- Lưu VT, website, NNMT(05).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Định

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-UBND ngày ... tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Ứng Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Lưu lượng lớn nhất 10 m³/ngày đêm
 - + Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, thoát sàn;
 - + Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu;
 - + Nguồn thải số 03: Nước thải sản xuất từ khu vực chế biến;
 - + Nguồn thải số 04: Nước thải sản xuất từ khu vực chiết rót.
- Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Xà Cầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP đã ký hợp đồng thuê đất (bao gồm cả dịch vụ thu gom và xử lý nước thải) số 15/2024/HĐTĐ/HT-ESS với Công ty Cổ phần Hà Thành - BQP (chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, thoát sàn được thu gom và thoát trực tiếp bằng đường ống PVC D90.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu bồn tiểu được thu gom bằng đường ống PVC D110 vào bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 20m³) để xử lý sơ bộ sau đó tiếp tục chảy thoát bằng đường ống PVC D110.
- Nguồn thải số 03: Nước thải sản xuất từ khu vực chế biến được thu gom bằng các hố ga bê tông cốt thép kích thước 300×300mm (02 hố) và chảy thoát theo đường ống PVC D110 và PVC D125.
- Nguồn thải số 04: Nước thải sản xuất từ khu vực chiết rót được thu gom bằng các hố ga bê tông cốt thép kích thước 200×200mm (02 hố) sau đó chảy thoát theo đường ống PVC D110 và PVC D125.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại nguồn số 1, 2, 3 và 4 đều được thu gom tập trung về hệ thống xử lý nước thải của dự án, nước thải sau xử lý tiếp tục chảy thoát

theo đường ống PVC D110 vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm Công nghiệp Xà Cầu để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp. Tọa độ điểm đầu nối: $X(m) = 2299181$; $Y(m) = 580537$ (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nguồn số 1, 2, 3 và 4 → Bể gom nước thải → Bể điều hòa → Bể vi sinh thiếu khí → Bể vi sinh hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa.

- Công suất thiết kế: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Dinh dưỡng (rỉ mật)/cơ chất, NACLO và các hóa chất tương tự.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các yêu cầu chung về quản lý nước thải theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải; định kỳ kiểm tra các bộ phận, máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (Theo khoản 5, điều 21 thông tư Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Dự kiến trong vòng 3 tháng, bắt đầu từ Quý IV/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Các chất ô nhiễm: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, NH₄⁺, NO₃⁻, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻ và Coliform.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm so sánh với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm ESSENPHAP” bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tại Cụm Công nghiệp Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hòa.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để bảo đảm vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải an toàn và đạt yêu cầu quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải (số liệu lưu lượng xả nước thải, loại hóa chất, bùn thải phát sinh,...).

3.4. Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP thực hiện đầy đủ các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, trường hợp có sự thay đổi Công ty Cổ phần liên doanh sản xuất dược phẩm ESSENPHAP có trách nhiệm báo cáo UBND huyện Ứng Hòa, phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Ứng Hòa để kiểm tra, giám sát.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng 3 năm 2025
của UBND huyện Ứng Hòa)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- + Nguồn số 01: Hoạt động của máy trộn nguyên liệu.
- + Nguồn số 02: Hoạt động do quá trình bốc, dỡ, phân loại các sản phẩm, nguyên liệu sản xuất.
- + Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện vận chuyển ra, vào nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Tọa độ X(m) = 2299164; Y(m) = 580534.
- + Nguồn số 2: Tọa độ X(m) = 2299162; Y(m) = 580545.
- + Nguồn số 3: Tọa độ X(m) = 2299159; Y(m) = 580537.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Sử dụng máy móc, thiết bị hiện

đại; Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn; Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Kiểm tra định kỳ mức độ ồn tại khu vực hoạt động của dự án.

- Công trình, biện pháp giảm độ rung: Kiểm tra độ cân bằng của máy móc khi lắp đặt và trong quá trình sản xuất, kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn. Cấm các xe chở quá tải trọng quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Ứng Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Số lượng dự (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	90
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	300
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	360
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	360
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	144
-	Tổng số			1.254

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh khoảng 5,825 tấn/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1,25 tấn/năm.

- Bùn thải từ bể tự hoại: Khối lượng phát sinh khoảng 0,16 tấn/năm.

- Bùn thải từ bể xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,31 tấn/năm.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 0,302 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng nhựa chứa dung tích 90 - 120 lít/thùng, có nắp đậy, có dán nhãn (tên, mã chất thải nguy hại).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 2,358m².

- Vị trí: Nhà kho ở khu vực phía Tây Bắc của nhà máy cạnh bể xử lý nước thải.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông chống thấm và có cửa khóa.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực sản xuất bố trí khoảng 02 thùng chứa dung tích 60 - 120 lít, cuối mỗi ngày làm việc được nhân viên thu gom vào các bao chứa và vận chuyển về kho lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 3,144 m².

- Vị trí: Nhà kho ở khu vực phía Tây Bắc của nhà máy cạnh bể xử lý nước thải.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông chống thấm và có cửa khóa.

2.2.3. Biện pháp quản lý:

- Các loại chất thải rắn công nghiệp sau mỗi ca làm việc sẽ được thu gom và tập kết về kho chứa các loại chất thải này được gom đến khối lượng nhất định sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu đến thu mua để tái chế lại theo hợp đồng mua bán;

- Bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thu gom và thoát nước mưa chuyển giao cho đơn vị có chức năng hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định, với tần suất thu gom khoảng 01 lần/năm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa dung tích từ 20 - 120 lít/thùng đặt tại các khu vực văn phòng và nhà bếp để chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hằng ngày được nhân viên vệ sinh thu gom và phân loại rồi đưa về khu vực tập kết.

2.3.2. Kho tập kết:

- Diện tích kho lưu chứa: 3,144 m².

- Vị trí: Nhà kho ở khu vực phía Tây Bắc của nhà máy cạnh bể xử lý nước thải.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Khung thép, nền bê tông chống thấm, lợp mái tôn và kho có cửa khóa.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-UBND ngày ... tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Ứng Hòa)

1. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải tại vị trí phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
3. Thực hiện theo các quy định hiện hành về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình; về các biện pháp giảm bụi trong thi công xây dựng; Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu, đảm bảo giá trị các thông số quan trắc không vượt quá giá trị giới hạn theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
4. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 1 - Khu vực thông thường) về độ rung.
5. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.
7. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường (gây ra trong quá trình hoạt động - nếu có) theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tới UBND Thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Ứng Hòa để quản lý.
9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
10. Thực hiện việc cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.